

Số: 1513/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 27 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện trong năm 2020 và những năm tiếp theo tại tỉnh Thái Bình**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 – 2020, định hướng đến 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT, ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 52/TTr-STTTT ngày 11/5/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục 947 (chín trăm bốn mươi bảy) dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện trong năm 2020 và những năm tiếp theo tại tỉnh Thái Bình (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao các Sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng quy trình thực hiện chi tiết đối với từng thủ tục hành chính theo ngành, lĩnh vực quản lý tại Điều 1

Quyết định này; Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện; Thường xuyên rà soát, điều chỉnh danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Yết*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP ĐDBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTT. *g*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Khắc Thận*

**Phụ lục**  
**DANH MỤC 947 DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, MỨC ĐỘ 4**  
**THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO**  
**TẠI TỈNH THÁI BÌNH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 27/5/2020*  
*của UBND tỉnh Thái Bình)*

| STT      | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                            | LĨNH VỰC                 | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------|---------------|
| <b>I</b> | <b>Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>                                                                                                                       |                          |        |               |
| 1        | Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón                                                                                                                             | Lĩnh vực bảo vệ thực vật | 3      | Cấp tỉnh      |
| 2        | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón                                                                                                           |                          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 3        | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón                                                                                                               |                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 4        | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật                                                                                              |                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 5        | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật                                                                                                  |                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 6        | Xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật                                                                                                                |                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 7        | Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật                                                                                                                   |                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 8        | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật                                              |                          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 9        | Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng                                                                                                                    | Lĩnh vực trồng trọt      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 10       | Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn                                                                                                    | Lĩnh vực thú y           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 11       | Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y                                                                                                             |                          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 12       | Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề thú y) |                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 13       | Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)                                 |                          | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | LĨNH VỰC          | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|---------------|
| 14  | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận | Lĩnh vực thú y    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 15  | Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận                                                                                                                                                                                                                    |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 16  | Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận                                                                                                                                                                                                                    |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 17  | Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)                                                                                                                                                                                                                                                     |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 18  | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                     |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 19  | Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại                                                                                                                                                                                                                           |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 20  | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 21  | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y                                                                                                                                                                                                                                                                             |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 22  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 23  | Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)                                                    |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 24  | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn                                                                                                                                                                                                                                                                     |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 25  | Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)                                                                                                                                                                                                                                            | Lĩnh vực thủy sản | 3      | Cấp tỉnh      |
| 26  | Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)                                                                                                                                                                                                       |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 27  | Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)                                                                                                                                                                                                                        |                   | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                           | LĨNH VỰC            | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------|---------------|
| 28  | Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)  | Lĩnh vực thủy sản   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 29  | Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)                                                                                                              |                     | 3      | Cấp tỉnh      |
| 30  | Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực.                                                                                                |                     | 3      | Cấp tỉnh      |
| 31  | Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)                                                                                                  |                     | 4      | Cấp tỉnh      |
| 32  | Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng.  |                     | 3      | Cấp tỉnh      |
| 33  | Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên |                     | 3      | Cấp tỉnh      |
| 34  | Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản                                                                                                                                                       |                     | 4      | Cấp tỉnh      |
| 35  | Cấp, cấp lại giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)                                                                                                                        |                     | 4      | Cấp tỉnh      |
| 36  | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá                                                                                                                                                          |                     | 4      | Cấp tỉnh      |
| 37  | Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá.                                                                                                                      |                     | 4      | Cấp tỉnh      |
| 38  | Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá                                                                                                                                                     |                     | 4      | Cấp tỉnh      |
| 39  | Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển                                                                                                                           |                     | 4      | Cấp tỉnh      |
| 40  | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá                                                                                                                                                              |                     | 4      | Cấp tỉnh      |
| 41  | Xóa đăng ký tàu cá                                                                                                                                                                              |                     | 4      | Cấp tỉnh      |
| 42  | Chuyển loại rừng đối với khu rừng do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập                                                                                                                         | Lĩnh vực lâm nghiệp | 4      | Cấp tỉnh      |
| 43  | Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức                                                                                                                               |                     | 3      | Cấp tỉnh      |
| 44  | Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II, III Cites                           |                     | 4      | Cấp tỉnh      |
| 45  | Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp                                                                                                                                                      |                     | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                                         | LĨNH VỰC                                             | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------|---------------|
| 46  | Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác                                                                                                                                                                   | Lĩnh vực lâm nghiệp                                  | 3      | Cấp tỉnh      |
| 47  | Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường rừng nằm trong phạm vi 01 tỉnh)                                                                                                                          |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 48  | Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc quyền địa phương quản lý                                                                                                                          |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 49  | Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc quyền địa phương quản lý                                                                                                                          |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 50  | Xác nhận bảng kê lâm sản                                                                                                                                                                                                                                      |                                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 51  | Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh                                                                                                                                          |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 52  | Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)                                                                                                             | Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | 3      | Cấp tỉnh      |
| 53  | Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản                                                                                                                                    |                                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 54  | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản                                                                                                                                                  |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 55  | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận ATTP hết hạn)                                                                                   |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 56  | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP) |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 57  | Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu                                                                                                                                                                                                                            | Lĩnh vực thủy lợi                                    | 4      | Cấp tỉnh      |
| 58  | Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.                                                                                               |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                      | LĨNH VỰC          | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|---------------|
| 59  | Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. | Lĩnh vực thủy lợi | 3      | Cấp tỉnh      |
| 60  | Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý.                                                                                                                  |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 61  | Phê duyệt, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý                                                                                                                         |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 62  | Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh.                                                                                        |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 63  | Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.                                                                                                        |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 64  | Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.                                                                                                                                                                 |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 65  | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.             |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 66  | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.                                                                                    |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 67  | Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.                                                                                                               |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 68  | Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.                                                                                                                                                 |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 69  | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.                                                                                  |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 70  | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền                                                                                                            |                   | 4      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                               | LĨNH VỰC                                  | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------|---------------|
|     | cấp phép của UBND tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                           |        |               |
| 71  | Công nhận làng nghề truyền thống                                                                                                                                                                                                                                                                    | Lĩnh vực phát triển nông thôn             | 4      | Cấp tỉnh      |
| 72  | Công nhận nghề truyền thống                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 73  | Công nhận làng nghề                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 74  | Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 75  | Thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư                                                                                                                                                                                                                                       |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 76  | Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao                                                                                                                                                                                                                                           | Lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường | 3      | Cấp tỉnh      |
| 77  | Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao                                                                                                                                                                                                                                       |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 78  | Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại                                                                                                                                                                                                                                                              | Nông nghiệp và phát triển nông thôn       | 3      | Cấp huyện     |
| 79  | Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại                                                                                                                                                                                                                                                          |                                           | 3      | Cấp huyện     |
| 80  | Cấp đổi giấy chứng nhận trang trại                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                           | 3      | Cấp huyện     |
| 81  | Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                       |                                           | 3      | Cấp huyện     |
| 82  | Bố trí ổn định dân cư trong huyện                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                           | 3      | Cấp huyện     |
| 83  | Xác nhận của Ủy ban nhân dân Cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cô thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình. |                                           | 3      | Cấp xã        |
| 84  | Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật                                                                                                                                                                                                                                                          |                                           | 3      | Cấp xã        |
| 85  | Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ sản phẩm                                                                                                                                                                                                                                      |                                           | 3      | Cấp xã        |
| 86  | Đăng ký chuyển đổi cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa.                                                                                                                                                       |                                           | 3      | Cấp xã        |
| II  | Khoa học và Công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                           |        |               |
| 1   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)                                                                                                                                                                      | Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ  | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                                                              | LĨNH VỰC                                 | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------|---------------|
| 2   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)                                                                                                                  | Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ | 3      | Cấp tỉnh      |
| 3   | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ                                                                                                                                                                                                |                                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 4   | Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ                                                                                                                                                                             |                                          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 5   | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ                                                                                                                                                                      |                                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 6   | Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ                                                                                                                                                   |                                          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 7   | Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |                                          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 8   | Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước                                                                                                                                                                                  |                                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 9   | Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương                                                                                                     |                                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 10  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế).                                                                                                                                                                                  | Lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 11  | Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế).                                                                                                                                                                              |                                          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 12  | Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế).                                                                                                                                                                     |                                          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 13  | Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế).                                                                                                                                                                              |                                          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 14  | Thủ tục cấp mới và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).                                                                                                                                                                | Lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân         | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                 | LĨNH VỰC                                | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------|---------------|
| 15  | Thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang y tế).                                                                                                                 | Lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân        | 3      | Cấp tỉnh      |
| 16  | Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế                                                                                                                                                                                |                                         | 4      | Cấp tỉnh      |
| 17  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp                                                                                                                                               | Lĩnh vực sở hữu trí tuệ                 | 3      | Cấp tỉnh      |
| 18  | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp                                                                                                                                           |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 19  | Thủ tục cấp mới Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa     | Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng | 3      | Cấp tỉnh      |
| 20  | Thủ tục cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 21  | Thủ tục cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa     |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 22  | Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu                                                                                                                                                            |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 23  | Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu                                                                                                                                                                       |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 24  | Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận                                                                                                                                        |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 25  | Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh                                                                                                                              |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 26  | Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành                              |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                          | LĨNH VỰC                                | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------|---------------|
| 27  | Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành | Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng | 3      | Cấp tỉnh      |
| 28  | Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng                                                                                                                                                         |                                         | 4      | Cấp tỉnh      |
| 29  | Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng                                                                                                                                 |                                         | 4      | Cấp tỉnh      |
| 30  | Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân                                                                            |                                         | 4      | Cấp tỉnh      |
| 31  | Thủ tục đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu                                                                                    |                                         | 4      | Cấp tỉnh      |
| III | Tài nguyên và Môi trường                                                                                                                                                                       |                                         |        |               |
| 1   | Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.                                                                       | Lĩnh vực môi trường                     | 3      | Cấp tỉnh      |
| 2   | Thẩm định, phê duyệt phương cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.                                                                                               |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 3   | Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.                                                                 |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 4   | Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.                                                                   |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 5   | Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án                                                            |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 6   | Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.                                                                                               |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 7   | Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường.                                                                                                                                       |                                         | 4      | Cấp tỉnh      |
| 8   | Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường.                                                                                                                        |                                         | 4      | Cấp tỉnh      |
| 9   | Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.                                                                                                                                              |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 10  | Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.                                                                                                                                          |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                      | LĨNH VỰC                                | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------|---------------|
| 11  | Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường                                                                                           | Lĩnh vực khai thác và sử dụng thông tin | 3      | Cấp tỉnh      |
| 12  | Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ                                                                                                               |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 13  | Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường                                                                                                    | Lĩnh vực môi trường                     | 4      | Cấp huyện     |
| 14  | Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường                                                                                     |                                         | 3      | Cấp huyện     |
| 15  | Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường                                                                                     |                                         | 4      | Cấp xã        |
| IV  | Tài Chính                                                                                                                                                  |                                         |        |               |
| 1   | Mua quyền hóa đơn                                                                                                                                          | Lĩnh vực quản lý công sản               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 2   | Mua hóa đơn lẻ                                                                                                                                             |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 3   | Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh                                                                                                    | Lĩnh vực quản lý giá                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 4   | Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách                                                                                                              | Lĩnh vực tin học – thống kê             | 4      | Cấp tỉnh      |
| 5   | Mua quyền hóa đơn                                                                                                                                          | Lĩnh vực quản lý công sản               | 3      | Cấp huyện     |
| 6   | Mua hóa đơn lẻ                                                                                                                                             |                                         | 3      | Cấp huyện     |
| V   | Ban Quản lý Khu Kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh                                                                                                        |                                         |        |               |
| 1   | Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).                             | Lĩnh vực đầu tư                         | 4      | Cấp tỉnh      |
| 2   | Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp.                                                                           |                                         | 4      | Cấp tỉnh      |
| 3   | Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư). |                                         | 4      | Cấp tỉnh      |
| 4   | Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp.                                                                |                                         | 4      | Cấp tỉnh      |
| 5   | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.                                                            |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 6   | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.                                                                  |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 7   | Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.                                                               |                                         | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                           | LĨNH VỰC                  | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|---------------|
| 8   | Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư).                                       | Lĩnh vực đầu tư           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 9   | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh.                                                |                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 10  | Chuyển nhượng dự án đầu tư.                                                                                                                                                     |                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 11  | Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế.                                                                  |                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 12  | Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài.                                                                                                          |                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 13  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.                                                                                                                                         |                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 14  | Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.                                                                                                                        |                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 15  | Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.                                                                                                                                         |                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 16  | Giãn tiến độ đầu tư.                                                                                                                                                            |                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 17  | Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư.                                                                                                                                           |                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 18  | Châm dứt hoạt động của dự án đầu tư.                                                                                                                                            |                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 19  | Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.                                                                                                     |                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 20  | Châm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.                                                                                            |                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 21  | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương.                          |                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 22  | Cung cấp thông tin về dự án đầu tư.                                                                                                                                             |                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 23  | Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư.                                                                                                      |                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 24  | Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong Khu kinh tế.                                                                            | Lĩnh vực quản lý công sản | 3      | Cấp tỉnh      |
| 25  | Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất trong Khu kinh tế để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội phục vụ đời sống cho người lao động.       |                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 26  | Miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu kinh tế.                                                                                                                                     |                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 27  | Thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (với công trình thực hiện thiết kế 3 bước), hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (với công trình thực hiện thiết kế 2 | Lĩnh vực xây dựng         | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT       | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                    | LĨNH VỰC                    | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------|---------------|
|           | bước).                                                                                                                                                                   |                             |        |               |
| 28        | Cấp phép xây dựng công trình cho dự án.                                                                                                                                  | Lĩnh vực xây dựng           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 29        | Điều chỉnh giấy phép xây dựng.                                                                                                                                           |                             | 3      | Cấp tỉnh      |
| 30        | Gia hạn giấy phép xây dựng.                                                                                                                                              |                             | 4      | Cấp tỉnh      |
| 31        | Cấp lại giấy phép xây dựng.                                                                                                                                              |                             | 4      | Cấp tỉnh      |
| 32        | Cấp phép xây dựng di dời công trình.                                                                                                                                     |                             | 3      | Cấp tỉnh      |
| 33        | Cấp phép xây dựng công trình sửa chữa, cải tạo.                                                                                                                          |                             | 3      | Cấp tỉnh      |
| 34        | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Khu kinh tế và các khu công nghiệp.                                                            | Lĩnh vực thương mại quốc tế | 3      | Cấp tỉnh      |
| 35        | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Khu kinh tế và các khu công nghiệp.                                                        |                             | 3      | Cấp tỉnh      |
| 36        | Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Khu kinh tế và các khu công nghiệp.                                                     |                             | 3      | Cấp tỉnh      |
| 37        | Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Khu kinh tế và các khu công nghiệp.                                                        |                             | 3      | Cấp tỉnh      |
| 38        | Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Khu kinh tế và các khu công nghiệp.                                                             |                             | 3      | Cấp tỉnh      |
| 39        | Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.                                                                                          | Lĩnh vực lao động           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 40        | Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.                                                                                              |                             | 3      | Cấp tỉnh      |
| 41        | Cấp giấy phép lao động cho lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.                                                                                           |                             | 3      | Cấp tỉnh      |
| 42        | Cấp lại giấy phép lao động cho lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.                                                                                       |                             | 3      | Cấp tỉnh      |
| 43        | Đăng ký Nội quy lao động của doanh nghiệp.                                                                                                                               |                             | 4      | Cấp tỉnh      |
| 44        | Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề có thời hạn dưới 90 ngày. |                             | 4      | Cấp tỉnh      |
| 45        | Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.                                                                                                                             | Lĩnh vực bảo vệ môi trường  | 3      | Cấp tỉnh      |
| <b>VI</b> | <b>Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>                                                                                                                                      |                             |        |               |
| 1         | Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh                                                                                                                                   | Lĩnh vực du lịch            | 3      | Cấp tỉnh      |
| 2         | Thủ tục công nhận điểm du lịch                                                                                                                                           |                             | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                       | LĨNH VỰC         | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------|---------------|
| 3   | Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa                                                                                                                                                                    | Lĩnh vực du lịch | 4      | Cấp tỉnh      |
| 4   | Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa                                                                                                                                                                |                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 5   | Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa                                                                                                                                                                |                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 6   | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành                                                                                    |                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 7   | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể                                                                                                                         |                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 8   | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản                                                                                                                          |                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 9   | Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài                                                                                                       |                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 10  | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài                                                                                                              |                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 11  | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện                                       |                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 12  | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy |                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 13  | Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài                                                                                                       |                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 14  | Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài                                                                                                          |                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 15  | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế                                                                                                                                                                              |                  | 3      | Cấp tỉnh      |
| 16  | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa                                                                                                                                                                              |                  | 3      | Cấp tỉnh      |
| 17  | Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa                                                                                                                                      |                  | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                            | LĨNH VỰC          | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|---------------|
| 18  | Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch                                                                                                                       | Lĩnh vực du lịch  | 3      | Cấp tỉnh      |
| 19  | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm                                                                                                                  |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 20  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế                                         |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 21  | Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch) |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 22  | Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch                                                                          |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 23  | Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch                                                                          |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 24  | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch                                                                         |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 25  | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch                                                               |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 26  | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch                                                                |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 27  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình                                                                             | Lĩnh vực gia đình | 4      | Cấp tỉnh      |
| 28  | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình                                                                                 |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 29  | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình                                                                          |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 30  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình                                                                      |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 31  | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình                                                                          |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 32  | Cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình                                                                                                             |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 33  | Cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình                                                                                                         |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 34  | Cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình                                                                                                           |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 35  | Cấp lại thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình                                                                                                       |                   | 4      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                               | LĨNH VỰC          | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|---------------|
| 36  | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình                    | Lĩnh vực gia đình | 3      | Cấp tỉnh      |
| 37  | Cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình                                    |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 38  | Cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình                               |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 39  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker       | Lĩnh vực thể thao | 3      | Cấp tỉnh      |
| 40  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể hình và Fitness      |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 41  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 42  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn động Bơi, Lặn                    |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 43  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao        |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 44  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam    |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 45  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt                 |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 46  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ          |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 47  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo                |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 48  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate                   |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 49  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng              |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 50  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo                     |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 51  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá                  |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 52  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn                 |                   | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                | LĨNH VỰC          | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|---------------|
| 53  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông                                                                  | Lĩnh vực thể thao | 4      | Cấp tỉnh      |
| 54  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin                                                                     |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 55  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga                                                                      |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 56  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao                                                         |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 57  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao                                                          |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 58  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ                                                                   |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 59  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném                                                                  |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 60  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu                                                                     |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 61  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn GOLF                                                                      |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 62  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay                                                       |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 63  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh                                                                 |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 64  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển                                                      |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 65  | Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia                                                                                                             | Lĩnh vực di sản   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 66  | Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 67  | Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia                                                                                     |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 68  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật                                                                                         |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 69  | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật                                                                                     |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 70  | Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích                                                                                                                |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 71  | Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích                                                                                                            |                   | 4      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                          | LĨNH VỰC                                  | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------|---------------|
| 72  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích                                                                       | Lĩnh vực di sản                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 73  | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích                                                                   |                                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 74  | Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp                                                                                               |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 75  | Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích                                       |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 76  | Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 77  | Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật                                                                     | Lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm | 3      | Cấp tỉnh      |
| 78  | Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ                                       |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 79  | Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam                                                                        |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 80  | Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm                                                       |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 81  | Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng                                                                            |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 82  | Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc                                                                                  | Lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn             | 3      | Cấp tỉnh      |
| 83  | Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương                                                        |                                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 84  | Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương                             |                                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 85  | Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu                                        | Lĩnh vực văn hóa cơ sở                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 86  | Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo                                                                     |                                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 87  | Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke                                                                          |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 88  | Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke                                                     |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 89  | Cấp giấy phép tổ chức lễ hội                                                                                                   |                                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 90  | Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng - rôn                                                   |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 91  | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam                                  |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 92  | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam                 |                                           |        |               |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | LĨNH VỰC                                               | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------|---------------|
| 93  | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Lĩnh vực văn hóa cơ sở                                 | 3      | Cấp tỉnh      |
| 94  | Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                        | 3      | Cấp tỉnh      |
| 95  | Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Lĩnh vực xuất nhập khẩu không nhằm mục đích kinh doanh | 3      | Cấp tỉnh      |
| 96  | Cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                        | 3      | Cấp tỉnh      |
| 97  | Phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                        | 3      | Cấp tỉnh      |
| 98  | Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                        | 3      | Cấp tỉnh      |
| 99  | Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                        | 3      | Cấp tỉnh      |
| 100 | Cấp giấy phép phổ biến phim<br>- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu;<br>- Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:<br>+ Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;<br>+ Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến. | Lĩnh vực điện ảnh                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 101 | Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)                                                                                                                                                                                                                                            |                                                        | 3      | Cấp tỉnh      |
| 102 | Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Lĩnh vực văn hóa cơ sở                                 | 3      | Cấp huyện     |
| 103 | Công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                        | 3      | Cấp huyện     |
| 104 | Công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                        | 3      | Cấp huyện     |
| 105 | Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                        | 3      | Cấp huyện     |
| 106 | Xét tặng giấy khen Khu dân cư văn hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                        | 3      | Cấp huyện     |
| 107 | Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                        | 3      | Cấp huyện     |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                        | LĨNH VỰC                                         | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------|---------------|
| 108 | Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”                                                                                   | Lĩnh vực văn hóa cơ sở                           | 3      | Cấp huyện     |
| 109 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình                                                         | Lĩnh vực gia đình                                | 4      | Cấp huyện     |
| 110 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình                                                             |                                                  | 4      | Cấp huyện     |
| 111 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình                                                      |                                                  | 3      | Cấp huyện     |
| 112 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình                                                  |                                                  | 4      | Cấp huyện     |
| 113 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình                                                      |                                                  | 4      | Cấp huyện     |
| 114 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình                                                             |                                                  | 3      | Cấp huyện     |
| VII | Nội Vụ                                                                                                                                       |                                                  |        |               |
| 1   | Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh                                                                                     | Lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác thanh niên | 4      | Cấp tỉnh      |
| 2   | Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh                                                                                      |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 3   | Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.                                                    | Lĩnh vực Quản lý nhà nước về Tôn giáo            | 4      | Cấp tỉnh      |
| 4   | Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.                              |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 5   | Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.                                                           |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 6   | Thủ tục thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.                                                         |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 7   | Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương.                                  |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 8   | Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức.              |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 9   | Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức. |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                       | LĨNH VỰC                              | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------|---------------|
| 10  | Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP.                                                                                                              | Lĩnh vực Quản lý nhà nước về Tôn giáo | 4      | Cấp tỉnh      |
| 11  | Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.                                                                                            |                                       | 4      | Cấp tỉnh      |
| 12  | Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.                                                                                   |                                       | 4      | Cấp tỉnh      |
| 13  | Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.                                                                          |                                       | 4      | Cấp tỉnh      |
| 14  | Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo. |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 15  | Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.                                   |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 16  | Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.                        |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 17  | Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.                                                                            |                                       | 4      | Cấp tỉnh      |
| 18  | Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.                                                                                                |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 19  | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh.                                                                                                                   |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 20  | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh.                                                                                                           |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                   | LĨNH VỰC                                           | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------|---------------|
| 21  | Thủ tục thành lập hội.                                                                                                  | Lĩnh vực Hội và Tổ chức phi chính phủ              | 4      | Cấp tỉnh      |
| 22  | Thủ tục phê duyệt điều lệ hội.                                                                                          |                                                    | 4      | Cấp tỉnh      |
| 23  | Thủ tục chia tách, sáp nhập, hợp nhất hội.                                                                              |                                                    | 4      | Cấp tỉnh      |
| 24  | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội.                                                   |                                                    | 4      | Cấp tỉnh      |
| 25  | Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện.                                                                            |                                                    | 4      | Cấp tỉnh      |
| 26  | Thủ tục cấp giấy thành lập và công nhận điều lệ quỹ.                                                                    |                                                    | 4      | Cấp tỉnh      |
| 27  | Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ.                              |                                                    | 4      | Cấp tỉnh      |
| 28  | Thủ tục hợp nhất, sát nhập, chia tách quỹ.                                                                              |                                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 29  | Thủ tục đổi tên quỹ.                                                                                                    |                                                    | 4      | Cấp tỉnh      |
| 30  | Thủ tục đổi tên hội                                                                                                     |                                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 31  | Thủ tục cấp; Cấp lại chứng chỉ hành nghề văn thư lưu trữ                                                                | Lĩnh vực Quản lý nhà nước về Văn thư – Lưu trữ     | 3      | Cấp tỉnh      |
| 32  | Thủ tục cấp bản sao, chứng thực lưu trữ                                                                                 |                                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 33  | Thủ tục tặng bằng khen cấp tỉnh đối với khen thưởng thường xuyên.                                                       | Lĩnh vực quản lý nhà nước về Thi đua – Khen thưởng | 3      | Cấp tỉnh      |
| 34  | Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc                                                                        |                                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 35  | Thủ tục tặng bằng khen cấp tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề                                                                 |                                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 36  | Thủ tục tặng bằng khen cấp tỉnh về thành tích đợt xuất.                                                                 |                                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 37  | Thủ tục tặng bằng khen cấp tỉnh về thành tích đối ngoại.                                                                |                                                    | 4      | Cấp tỉnh      |
| 38  | Thủ tục tặng Bằng khen cấp tỉnh cho gia đình.                                                                           |                                                    | 4      | Cấp tỉnh      |
| 39  | Thủ tục xác nhận khen thưởng, trích sao quyết định, cấp đổi hiện vật khen thưởng bị hư hỏng, bị mất                     |                                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 40  | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện. | Lĩnh vực quản lý nhà nước về Tôn giáo              | 4      | Cấp huyện     |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                            | LĨNH VỰC                                           | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------|---------------|
| 41  | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện.                                                                                                                  | Lĩnh vực quản lý nhà nước về Tôn giáo              | 4      | Cấp huyện     |
| 42  | Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện.                                                                                                               |                                                    | 3      | Cấp huyện     |
| 43  | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. |                                                    | 4      | Cấp huyện     |
| 44  | Thủ tục thành lập hội.                                                                                                                                                                                                                           | Lĩnh vực Hội, Tổ chức phi chính phủ                | 4      | Cấp huyện     |
| 45  | Thủ tục phê duyệt điều lệ hội.                                                                                                                                                                                                                   |                                                    | 4      | Cấp huyện     |
| 46  | Thủ tục chia tách, sáp nhập, hợp nhất hội.                                                                                                                                                                                                       |                                                    | 4      | Cấp huyện     |
| 47  | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội.                                                                                                                                                                            |                                                    | 4      | Cấp huyện     |
| 48  | Thủ tục cấp giấy thành lập và công nhận điều lệ quỹ.                                                                                                                                                                                             |                                                    | 4      | Cấp huyện     |
| 49  | Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ.                                                                                                                                                       |                                                    | 4      | Cấp huyện     |
| 50  | Thủ tục hợp nhất, sát nhập, chia tách quỹ.                                                                                                                                                                                                       |                                                    | 4      | Cấp huyện     |
| 51  | Thủ tục đổi tên quỹ.                                                                                                                                                                                                                             |                                                    | 4      | Cấp huyện     |
| 52  | Thủ tục tặng giấy khen Cấp huyện về thực hiện nhiệm vụ chính trị.                                                                                                                                                                                | Lĩnh vực Quản lý nhà nước về Thi đua - Khen thưởng | 3      | Cấp huyện     |
| 53  | Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến                                                                                                                                                                                                |                                                    | 3      | Cấp huyện     |
| 54  | Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.                                                                                                                                                                                               |                                                    | 3      | Cấp huyện     |
| 55  | Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến                                                                                                                                                                                                        |                                                    | 3      | Cấp huyện     |
| 56  | Thủ tục tặng giấy khen Cấp huyện theo đợt hoặc chuyên đề.                                                                                                                                                                                        |                                                    | 3      | Cấp huyện     |
| 57  | Thủ tục tặng giấy khen Cấp huyện cho gia đình.                                                                                                                                                                                                   |                                                    | 3      | Cấp huyện     |

| STT  | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                          | LĨNH VỰC                                           | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------|---------------|
| 58   | Thủ tục tặng giấy khen Cấp huyện về thành tích đột xuất.                                                                                                                                                       | Lĩnh vực Quản lý nhà nước về Thi đua - Khen thưởng | 4      | Cấp huyện     |
| 59   | Thủ tục tặng giấy khen Cấp huyện về thành tích đối ngoại.                                                                                                                                                      |                                                    | 4      | Cấp huyện     |
| 60   | Thủ tục tặng giấy khen Cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị                                                                                                                                                  |                                                    | 3      | Cấp xã        |
| 61   | Thủ tục tặng giấy khen Cấp xã theo đợt hoặc chuyên đề                                                                                                                                                          |                                                    | 3      | Cấp xã        |
| 62   | Thủ tục tặng giấy khen Cấp xã về thành tích đột xuất                                                                                                                                                           |                                                    | 3      | Cấp xã        |
| 63   | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã                                                                                                           | Lĩnh vực Tôn giáo                                  | 4      | Cấp xã        |
| 64   | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã                                                                                                   |                                                    | 4      | Cấp xã        |
| 65   | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã                                                                                                                            |                                                    | 3      | Cấp xã        |
| 66   | Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung                                                                                                                                       |                                                    | 4      | Cấp xã        |
| 67   | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.                                                                                  |                                                    | 4      | Cấp xã        |
| VIII | Xây dựng                                                                                                                                                                                                       |                                                    |        |               |
| 1    | Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài                                                                                                                          | Lĩnh vực cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 2    | Cấp lại chứng chỉ năng lực hạng II, III                                                                                                                                                                        |                                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 3    | Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III                                                                                                                                                        | Lĩnh vực cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 4    | Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III                                                                                                                                  |                                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 5    | Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các nhân hạng II, III                                                                                                                           |                                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 6    | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III (đối với trường hợp cá nhân bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP |                                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 7    | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)                                                                                                       |                                                    | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                        | LĨNH VỰC                                  | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------|---------------|
| 8   | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp                                                                                                                                                                                               | Lĩnh vực cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng | 3      | Cấp tỉnh      |
| 9   | Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III                                                                                                                                                                                                                                  |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 10  | Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)                                                                                                                                                                                       |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 11  | Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng                                                                                                                                                                              | Lĩnh vực giám định tư pháp                | 3      | Cấp tỉnh      |
| 12  | Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 13  | Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin                                                                                                                          |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 14  | Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.                                                                                                                                                                                                                                           | Lĩnh vực kinh doanh bất động sản          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 15  | Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng                                                                                                                                                   |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 16  | Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn)                                                                                                                                                                                                    |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 17  | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.           | Lĩnh vực cấp phép xây dựng                | 3      | Cấp tỉnh      |
| 18  | Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.  |                                           | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                    | LĨNH VỰC                                            | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------|---------------|
| 19  | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | Lĩnh vực cấp phép xây dựng                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 20  | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. |                                                     | 4      | Cấp tỉnh      |
| 21  | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.                                                                                                                      | Lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 22  | Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nhà thầu)                                                                                                                                                         | Lĩnh vực cấp phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài | 3      | Cấp tỉnh      |
| 23  | Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nhà thầu)                                                                                                                                                  |                                                     | 3      | Cấp tỉnh      |
| 24  | Cấp giấy phép di dời đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp Trung ương, cấp tỉnh                                              | Lĩnh vực cấp phép xây dựng                          | 3      | Cấp huyện     |
| 25  | Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp Trung ương, cấp tỉnh                                     |                                                     | 3      | Cấp huyện     |
| 26  | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp Trung ương, cấp tỉnh                                        |                                                     | 3      | Cấp huyện     |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                             | LĨNH VỰC                       | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------|---------------|
| 27  | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp Trung ương, cấp tỉnh | Lĩnh vực cấp phép xây dựng     | 3      | Cấp huyện     |
| 28  | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện                                                                           | Lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc | 3      | Cấp huyện     |
| IX  | <b>Công thương</b>                                                                                                                                                                                                                                |                                |        |               |
| 1   | Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                                                                                | Lĩnh vực thương mại quốc tế    | 4      | Cấp tỉnh      |
| 2   | Cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                                                                            |                                | 4      | Cấp tỉnh      |
| 3   | Điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                                                                         |                                | 4      | Cấp tỉnh      |
| 4   | Gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                                                                            |                                | 4      | Cấp tỉnh      |
| 5   | Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                                                                                 |                                | 4      | Cấp tỉnh      |
| 6   | Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương                                                                                                             | Lĩnh vực xúc tiến thương mại   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 7   | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương                                                                                |                                | 3      | Cấp tỉnh      |
| 8   | Thông báo hoạt động khuyến mại                                                                                                                                                                                                                    |                                | 3      | Cấp tỉnh      |
| 9   | Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại                                                                                                                                                                                       | Lĩnh vực điện                  | 3      | Cấp tỉnh      |
| 10  | Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp bị mất hoặc bị hỏng thẻ                                                                                                                       |                                | 3      | Cấp tỉnh      |
| 11  | Cấp lại thẻ an toàn điện                                                                                                                                                                                                                          |                                | 3      | Cấp tỉnh      |
| 12  | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                                                                                                                                                                    | Lĩnh vực lưu thông hàng hóa    | 3      | Cấp huyện     |
| 13  | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                                                                                                                                                                                 |                                | 3      | Cấp huyện     |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                            | LĨNH VỰC                                                 | MỨC ĐỘ    | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------|---------------|
| 14  | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu                                                                                        | Lĩnh vực lưu thông hàng hóa                              | 3         | Cấp huyện     |
| 15  | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu                                                                       |                                                          | 4         | Cấp huyện     |
| 16  | Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu                                                                                    |                                                          | 4         | Cấp huyện     |
| 17  | Cấp giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn các huyện, thành phố thuộc tỉnh Thái Bình                  |                                                          | 3         | Cấp huyện     |
| 18  | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn các huyện, thành phố thuộc tỉnh Thái Bình |                                                          | 3         | Cấp huyện     |
| 19  | Cấp lại giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn các huyện, thành phố thuộc tỉnh Thái Bình              |                                                          | 3         | Cấp huyện     |
| 20  | Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                                                           |                                                          | 3         | Cấp huyện     |
| 21  | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                                          |                                                          | 4         | Cấp huyện     |
| 22  | Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                                                       |                                                          | 4         | Cấp huyện     |
| 23  | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai                                                    |                                                          | 4         | Cấp huyện     |
| 24  | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai                                             | 3                                                        | Cấp huyện |               |
| X   | Kế hoạch và Đầu tư                                                                                               |                                                          |           |               |
| 1   | Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài                                 | Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam                             | 3         | Cấp tỉnh      |
| 2   | Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã                                                                           | Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Liên hiệp Hợp tác xã | 3         | Cấp tỉnh      |
| 3   | Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã                    |                                                          | 3         | Cấp tỉnh      |
| 4   | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã                                                           |                                                          | 3         | Cấp tỉnh      |
| 5   | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã    |                                                          | 3         | Cấp tỉnh      |
| 6   | Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia                                                                            |                                                          | 3         | Cấp tỉnh      |
| 7   | Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách                                                                            |                                                          | 3         | Cấp tỉnh      |
| 8   | Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất                                                                        |                                                          | 3         | Cấp tỉnh      |
| 9   | Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập                                                                        | 3                                                        | Cấp tỉnh  |               |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                               | LĨNH VỰC                                                 | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------|---------------|
| 10  | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng) | Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Liên hiệp Hợp tác xã | 3      | Cấp tỉnh      |
| 11  | Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã                                                                                                                                                             |                                                          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 12  | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã                                                                                                                                            |                                                          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 13  | Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã                                                                                                             |                                                          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 14  | Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã                                                                           |                                                          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 15  | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã                                                                                                  |                                                          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 16  | Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã                                                                                                                                                |                                                          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 17  | Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân                                                                                                                                                              | Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp         | 4      | Cấp tỉnh      |
| 18  | Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên                                                                                                                                                       |                                                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 19  | Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên                                                                                                                                               |                                                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 20  | Đăng ký thành lập công ty cổ phần                                                                                                                                                                   |                                                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 21  | Đăng ký thành lập công ty hợp danh                                                                                                                                                                  |                                                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 22  | Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)                                                              |                                                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 23  | Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)                                                                                        |                                                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 24  | Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh                                                                                                                                                                |                                                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 25  | Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần                                                                                                     |                                                          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 26  | Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)                                                                                      |                                                          | 4      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                                            | LĨNH VỰC                                         | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------|---------------|
| 27  | Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên                                                                                                                                                                                   | Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | 4      | Cấp tỉnh      |
| 28  | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức                                                                                  |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 29  | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước                                                                                                       |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 30  | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế                                                                                                                                                                                |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 31  | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 32  | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp                                                                                                                                                          |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 33  | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác                                             |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 34  | Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích                                                                                                                                           |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 35  | Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác                                                                                                    |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 36  | Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)                                                                                                                               |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 37  | Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân                                                                                                                                                                                                       |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 38  | Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần                                                                                                                                                                                                |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 39  | Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết                                                                                                                                                                          |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                    | LĨNH VỰC                                         | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------|---------------|
| 40  | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế                                                                                                                                                                                                                                                 | Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | 4      | Cấp tỉnh      |
| 41  | Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)                                                                                                          |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 42  | Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)                                                                                                                                                                    |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 43  | Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)                                                                                                                                                             |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 44  | Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)                                                                                                                                               |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 45  | Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)                                                                                                                                                 |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 46  | Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)                                                                                                           |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 47  | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 48  | Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)                                                                                                                                                                        |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 49  | Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)                                                                                                                         |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 50  | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)                                                                                                       |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                    | LĨNH VỰC                                         | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------|---------------|
| 51  | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) | Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | 4      | Cấp tỉnh      |
| 52  | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)                     |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 53  | Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)                                                     |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 54  | Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân                                                                                                                                                                  |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 55  | Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp                                                                                                                   |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 56  | Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp                                                                                                           |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 57  | Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp                                                                                                                                              |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 58  | Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp                                                                                                                   |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 59  | Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp                                                                                                           |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 60  | Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp                                                                                                                                              |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 61  | Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)                                                                                                                        |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 62  | Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)                                                                                                                        |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 63  | Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần                                                                                                                                             |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 64  | Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên                                                                                                                              |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 65  | Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên                                                                                                                      |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 66  | Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn                                                                                                                                        |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 67  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp                                                                                                                                                             |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                         | LĨNH VỰC                                         | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------|---------------|
| 68  | Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế | Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | 4      | Cấp tỉnh      |
| 69  | Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp                                                                                                                                                               |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 70  | Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng                                                                                                               |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 71  | Thông báo tạm ngừng kinh doanh                                                                                                                                                                                |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 72  | Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo                                                                                                                                             |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 73  | Giải thể doanh nghiệp                                                                                                                                                                                         |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 74  | Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án                                                                                        |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 75  | Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh                                                                                                                                         |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 76  | Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp                                                                                                                                                                      |                                                  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 77  | Đăng ký thành lập hộ kinh doanh                                                                                                                                                                               |                                                  | 3      | Cấp huyện     |
| 78  | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh                                                                                                                                                               |                                                  | 3      | Cấp huyện     |
| 79  | Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh                                                                                                                                                                             |                                                  | 3      | Cấp huyện     |
| 80  | Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh                                                                                                                                                                              |                                                  | 3      | Cấp huyện     |
| 81  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh                                                                                                                                                                 |                                                  | 3      | Cấp huyện     |
| 82  | Đăng ký thành lập hợp tác xã                                                                                                                                                                                  | Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã   | 3      | Cấp huyện     |
| 83  | Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã                                                                                                                           |                                                  | 3      | Cấp huyện     |
| 84  | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã                                                                                                                                                                  |                                                  | 3      | Cấp huyện     |
| 85  | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã                                                                                                           |                                                  | 3      | Cấp huyện     |
| 86  | Đăng ký khi hợp tác xã chia                                                                                                                                                                                   |                                                  | 3      | Cấp huyện     |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                           | LĨNH VỰC                                       | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------|---------------|
| 87  | Đăng ký khi hợp tác xã tách                                                                                                                                                     | Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã | 3      | Cấp huyện     |
| 88  | Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất                                                                                                                                                 |                                                | 3      | Cấp huyện     |
| 89  | Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập                                                                                                                                                 |                                                | 3      | Cấp huyện     |
| 90  | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng) |                                                | 3      | Cấp huyện     |
| 91  | Giải thể tự nguyện hợp tác xã                                                                                                                                                   |                                                | 3      | Cấp huyện     |
| 92  | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã                                                                                                                                  |                                                | 3      | Cấp huyện     |
| 93  | Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã                                                                                                   |                                                | 3      | Cấp huyện     |
| 94  | Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã                                                                 |                                                | 3      | Cấp huyện     |
| 95  | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã                                                                                        |                                                | 3      | Cấp huyện     |
| 96  | Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã                                                                                                                                      |                                                | 3      | Cấp huyện     |
| 97  | Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã                                                                                                                                             |                                                | 3      | Cấp huyện     |
| XI  | Lao động, Thương binh và Xã Hội                                                                                                                                                 |                                                |        |               |
| 1   | Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động                                                             | Lĩnh vực việc làm và an toàn lao động          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 2   | Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm                                                                                            |                                                | 3      | Cấp tỉnh      |
| 3   | Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm                                                                                        |                                                | 3      | Cấp tỉnh      |
| 4   | Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm                                                                                        |                                                | 3      | Cấp tỉnh      |
| 5   | Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài                                                                                                  |                                                | 4      | Cấp tỉnh      |
| 6   | Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam                                                                                                      |                                                | 4      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | LĨNH VỰC                              | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------|---------------|
| 7   | Cấp lại giấy phép lao động cho lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Lĩnh vực việc làm và an toàn lao động | 4      | Cấp tỉnh      |
| 8   | Xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                       | 4      | Cấp tỉnh      |
| 9   | Đề nghị tắt toán tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi thực tập nâng cao tay nghề dưới 90 ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 10  | Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 11  | Đăng ký hợp đồng cá nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 12  | Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp, khám bệnh nghề nghiệp, chữa bệnh nghề nghiệp, phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 13  | Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 14  | Khai báo đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                       | 4      | Cấp tỉnh      |
| 15  | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)                                     |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 16  | Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập) |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                          | LĨNH VỰC                              | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------|---------------|
| 17  | Đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa (nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)                                                                                                                  | Lĩnh vực việc làm và an toàn lao động | 3      | Cấp tỉnh      |
| 18  | Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng                                                          |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 19  | Thủ tục công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực                                                                                                                                                                              | Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp         | 3      | Cấp tỉnh      |
| 20  | Xác nhận mẫu phôi chứng chỉ sơ cấp, mẫu phôi bản sao chứng chỉ sơ cấp                                                                                                                                                                          |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 21  | Thủ tục miễn nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực                                                                                                                                                                             |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 22  | Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 23  | Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương                                       |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 24  | Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương              |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 25  | Thủ tục thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh                                                                                                   |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 26  | Thủ tục miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh                                                                                                                            |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 27  | Thủ tục cách chức chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh                                                                                                                             |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 28  | Thủ tục thành lập hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện                                                                                                                        |                                       | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                   | LĨNH VỰC                           | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|---------------|
| 29  | Miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện                                                                                               | Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 30  | Cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện                                                                                                |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 31  | Thành lập hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục                                                                                                                                                                                    |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 32  | cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động                                                                                                                                                                                           |                                    | 4      | Cấp tỉnh      |
| 33  | Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp                                                                                                                                                                                               |                                    | 4      | Cấp tỉnh      |
| 34  | Gửi Thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp                                                                                                                                                                                          |                                    | 4      | Cấp tỉnh      |
| 35  | Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động                                                                                                                                                                                       |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 36  | Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động                                                                                                                                                                                       |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 37  | Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động                                                                                                                                                                                       |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 38  | Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động                                                                                                                                                                                  |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 39  | Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 40  | Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II, hạng III)                                                                     |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 41  | Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân                                                                                                                                                                                           | Lĩnh vực Phòng chống Tệ nạn Xã hội | 3      | Cấp tỉnh      |
| 42  | Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân                                                                                                                                                                              |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 43  | Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân                                                                                                                                                                                    |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 44  | Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở GDNN tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài                                                       | Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp      | 3      | Cấp huyện     |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                  | LĨNH VỰC                           | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|---------------|
| 45  | Thủ tục hoãn chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện               | Lĩnh vực Phòng chống Tệ nạn Xã hội | 3      | Cấp huyện     |
| 46  | Thủ tục miễn chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện               |                                    | 3      | Cấp huyện     |
| XII | Giáo dục và Đào tạo                                                                                                    |                                    |        |               |
| 1   | Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục               | Giáo dục và Đào tạo                | 3      | Cấp tỉnh      |
| 2   | Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục                                                                 |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 3   | Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại                                                                  |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 4   | Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông                                                                         |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 5   | Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông)           |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 6   | Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 7   | Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục                                                          |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 8   | Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại                                                           |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 9   | Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên                                                                  |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 10  | Giải thể trường trung học phổ thông chuyên                                                                             |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 11  | Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia                                                                            |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 12  | Cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục mầm non                                                              |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 13  | Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục                                                      |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 14  | Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia                                                                          |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 15  | Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia                                                                           |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 16  | Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục                                                       |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 17  | Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam              |                                    | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                        | LĨNH VỰC                     | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------|---------------|
| 18  | Cho phép hoạt động đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam                                         | Giáo dục và Đào tạo          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 19  | Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam                        |                              | 3      | Cấp tỉnh      |
| 20  | Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam |                              | 3      | Cấp tỉnh      |
| 21  | Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam                                                                                              |                              | 3      | Cấp tỉnh      |
| 22  | Chấm dứt hoạt động của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam                                                                                               |                              | 3      | Cấp tỉnh      |
| 23  | Đăng ký dự thi trung học phổ thông quốc gia                                                                                                                                                  | Quy chế thi, tuyển sinh      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 24  | Phúc khảo bài thi trung học phổ thông quốc gia                                                                                                                                               |                              | 3      | Cấp tỉnh      |
| 25  | Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông                                                                                                                                           | Giáo dục và đào tạo          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 26  | Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp                                                                                                                      | Hệ thống văn bằng, chứng chỉ | 4      | Cấp tỉnh      |
| 27  | Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin                                                                                                                                    | Quy chế thi, tuyển sinh      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 28  | Đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông                                                                                                                                                      |                              | 4      | Cấp tỉnh      |
| 29  | Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên                                                                                                                  | Giáo dục và đào tạo          | 4      | Cấp tỉnh      |
| 30  | Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học                                                                                                                                       |                              | 4      | Cấp tỉnh      |
| 31  | Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ                                                                                                                                                       | Hệ thống văn bằng, chứng chỉ | 4      | Cấp tỉnh      |
| 32  | Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục                                                                                             | Giáo dục và Đào tạo          | 3      | Cấp huyện     |
| 33  | Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục                                                                                                                                           |                              | 3      | Cấp huyện     |
| 34  | Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại                                                                                                                                            |                              | 3      | Cấp huyện     |
| 35  | Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)                                                                                                         |                              | 3      | Cấp huyện     |

| STT         | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                            | LĨNH VỰC                     | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------|---------------|
| 36          | Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục                                                                                                   | Giáo dục và Đào tạo          | 3      | Cấp huyện     |
| 37          | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục                                                                                                                                      |                              | 3      | Cấp huyện     |
| 38          | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại                                                                                                                              |                              | 3      | Cấp huyện     |
| 39          | Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)                                                                                   |                              | 3      | Cấp huyện     |
| 40          | Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)                                                                          |                              | 3      | Cấp huyện     |
| 41          | Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã                                                                                                                          |                              | 3      | Cấp huyện     |
| 42          | Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập                                                                                                  |                              | 3      | Cấp huyện     |
| 43          | Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập                                                                                                   |                              | 3      | Cấp huyện     |
| 44          | Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở                                                                                                                                   |                              | 3      | Cấp huyện     |
| 45          | Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở                                                                                                                               |                              | 3      | Cấp huyện     |
| 46          | Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở                                                                                                                                   |                              | 4      | Cấp huyện     |
| 47          | Chuyển trường đối với học sinh tiểu học                                                                                                                                          |                              | 4      | Cấp huyện     |
| 48          | Hỗ trợ ăn trưa đối với em mẫu giáo                                                                                                                                               |                              | 4      | Cấp huyện     |
| 49          | Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học                                                                                                                           |                              | 4      | Cấp huyện     |
| 50          | Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ                                                                                                                                           | Hệ thống văn bằng, chứng chỉ | 4      | Cấp huyện     |
| <b>XIII</b> | <b>Giao thông Vận tải</b>                                                                                                                                                        |                              |        |               |
| 1           | Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô                                                                                                                                    | Lĩnh vực đường bộ            | 3      | Cấp tỉnh      |
| 2           | Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng |                              | 4      | Cấp tỉnh      |
| 3           | Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng                                                                        |                              | 4      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | LĨNH VỰC          | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|---------------|
| 4   | Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)     | Lĩnh vực đường bộ | 3      | Cấp tỉnh      |
| 5   | Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải) |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 6   | Gia hạn Giấy phép liên vận Việt – Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào                                                                                                                                                                                                                                         |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 7   | Gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS                                                                                                                                                                                           |                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 8   | Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia                                                                                                                                                                                               |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 9   | Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                           |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 10  | Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                       |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 11  | Cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 12  | Cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 13  | Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 14  | Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia –Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                |                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 15  | Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ                                                                                                                                                                                                     |                   | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                              | LĨNH VỰC             | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------|---------------|
| 16  | Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác         | Lĩnh vực<br>đường bộ | 3      | Cấp tỉnh      |
| 17  | Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường của quốc lộ đang khai thác                                                          |                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 18  | Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý |                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 19  | Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ                                                                                      |                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 20  | Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác                                                |                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 21  | Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác                                                                                                                                              |                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 22  | Công bố đưa bến xe khách vào khai thác                                                                                                                                             |                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 23  | Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác                                                                                                                                         |                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 24  | Gia hạn Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác                                               |                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 25  | Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ                                                                                |                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 26  | Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô                                                            |                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 27  | Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô                                                 |                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 28  | Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác                                                                 |                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 29  | Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo                                                                               |                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 30  | Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động                                                                                                        |                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 31  | Cấp Giấy phép xe tập lái                                                                                                                                                           |                      | 4      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | LĨNH VỰC                    | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------|---------------|
| 32  | Cấp lại Giấy phép xe tập lái                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Lĩnh vực đường bộ           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 33  | Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe                                                                                                                                                                                                                                                                        |                             | 4      | Cấp tỉnh      |
| 34  | Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp                                                                                                                                                                                                                                                                          |                             | 3      | Cấp tỉnh      |
| 35  | Cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng                                                                                                                                                                                                       |                             | 4      | Cấp tỉnh      |
| 36  | Cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng                                                                                                                                                                                                                    |                             | 4      | Cấp tỉnh      |
| 37  | Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố                                                                                                                                                                                                                                                         |                             | 3      | Cấp tỉnh      |
| 38  | Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường tỉnh đang khai thác                                                                                                                                                 |                             | 3      | Cấp tỉnh      |
| 39  | Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường tỉnh đang khai thác                                                                                                                                                                                               |                             | 4      | Cấp tỉnh      |
| 40  | Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường tỉnh                                                                                                                                                                                                                    |                             | 4      | Cấp tỉnh      |
| 41  | Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường tỉnh đang khai                                                                                                                                                                                             |                             | 3      | Cấp tỉnh      |
| 42  | Gia hạn Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường tỉnh đang khai                                                                                                                                                                                            |                             | 4      | Cấp tỉnh      |
| 43  | Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương) | Lĩnh vực đường thủy nội địa | 3      | Cấp tỉnh      |
| 44  | Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                             | 3      | Cấp tỉnh      |
| 45  | Thông báo thường xuyên, đột xuất luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương                                                                                                                                                                                                                   |                             | 4      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                          | LĨNH VỰC                          | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------|---------------|
| 46  | Công bố lại cảng thủy nội địa                                                                                                                  | Lĩnh vực<br>đường thủy nội<br>địa | 4      | Cấp tỉnh      |
| 47  | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa                              |                                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 48  | Dự học, thi, kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn(GCNKNCM), chứng chỉ chuyên môn (CCCM)                                    |                                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 49  | Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn                                                             |                                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 50  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện                                                                                                    |                                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 51  | Dự kiểm tra lấy chứng chỉ nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản                                                                     |                                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 52  | Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương                                                 |                                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 53  | Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương                   |                                   | 3      | Cấp tỉnh      |
| 54  | Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm                                                                                                  |                                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 55  | Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa               |                                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 56  | Chấp thuận sử dụng đường bộ do huyện quản lý vào các hoạt động văn hóa hoặc các hoạt động khác không vì mục đích giao thông.                   |                                   | 4      | Cấp huyện     |
| 57  | Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do cấp huyện quản lý đang khai thác.         |                                   | 4      | Cấp huyện     |
| 58  | Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do cấp huyện quản lý đang khai thác. |                                   | 4      | Cấp huyện     |
| 59  | Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do cấp huyện quản lý đang khai thác.  |                                   | 3      | Cấp huyện     |
| 60  | Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào hệ thống đường huyện đang khai thác.                                    |                                   | 3      | Cấp huyện     |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                     | LĨNH VỰC                             | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------|---------------|
| 61  | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa                                    | Lĩnh vực đường thủy nội địa          | 3      | Cấp huyện     |
| 62  | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa                                    |                                      | 3      | Cấp huyện     |
| 63  | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện |                                      | 4      | Cấp huyện     |
| 64  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.                                                                              |                                      | 4      | Cấp huyện     |
| 65  | Xoá Giấy đăng ký phương tiện                                                                                              |                                      | 4      | Cấp huyện     |
| 66  | Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa địa phương.                                       |                                      | 4      | Cấp huyện     |
| 67  | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa                                    |                                      | 3      | Cấp xã        |
| 68  | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa                                    |                                      | 3      | Cấp xã        |
| 69  | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa     |                                      | 3      | Cấp xã        |
| 70  | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện |                                      | 4      | Cấp xã        |
| 71  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.                                                                              |                                      | 4      | Cấp xã        |
| 72  | Xoá Giấy đăng ký phương tiện                                                                                              |                                      | 4      | Cấp xã        |
| 73  | Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa địa phương.                                       |                                      | 4      | Cấp xã        |
| XIV | Tư pháp                                                                                                                   |                                      |        |               |
| 1   | Công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh                                                                                     | Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật | 4      | Cấp tỉnh      |
| 2   | Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tỉnh                                                                                    |                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 3   | Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước                                                                                   | Lĩnh vực quốc tịch                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 4   | Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước                                                                                      |                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 5   | Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước                                                                      |                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 6   | Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam                                                                                   |                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 7   | Thông báo có quốc tịch nước ngoài                                                                                         |                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 8   | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài                                                                       | Lĩnh vực nuôi con nuôi               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 9   | Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi                                  |                                      | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                              | LĨNH VỰC                  | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|---------------|
| 10  | Hợp nhất công ty luật                                                                                                                                                              | Lĩnh vực luật sư          | 3      | Cấp tỉnh      |
| 11  | Sáp nhập công ty luật                                                                                                                                                              |                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 12  | Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh                                                                                                               |                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 13  | Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật                                                                                                                                    |                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 14  | Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài                                                                                                  |                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 15  | Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                           |                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 16  | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài                                                                                                              | Lĩnh vực tư vấn pháp luật | 3      | Cấp tỉnh      |
| 17  | Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật                                                                                                                                   |                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 18  | Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật                                                                                                                     |                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 19  | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh                                                                                                      |                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 20  | Chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản                                                                            |                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 21  | Chấm dứt hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động                                                                                   |                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 22  | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật                                                                                                                        | Lĩnh vực công chứng       | 4      | Cấp tỉnh      |
| 23  | Đăng ký tập sự hành nghề công chứng                                                                                                                                                |                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 24  | Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương           |                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 25  | Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác |                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 26  | Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp Người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác                   |                           | 3      | Cấp tỉnh      |
| 27  | Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng                                                                                                                                               |                           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 28  | Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng                                                                                               |                           | 4      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                    | LĨNH VỰC                      | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------|---------------|
| 29  | Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)                                           | Lĩnh vực công chứng           | 4      | Cấp tỉnh      |
| 30  | Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp người tập sự đề nghị thay đổi                                                                                 |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 31  | Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động hoặc bị chuyển đổi, giải thể |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 32  | Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng                                                                                                             |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 33  | Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên                                                                                                                             |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 34  | Cấp lại Thẻ công chứng viên                                                                                                                                              |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 35  | Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên                                                                                                                                |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 36  | Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng                                                                                                                                   |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 37  | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng                                                                                                             |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 38  | Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)                                                                                                         |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 39  | Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất                                                                                                                          |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 40  | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập                                                                                               |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 41  | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng                                                                                          |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 42  | Hợp nhất Văn phòng công chứng                                                                                                                                            |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 43  | Sáp nhập Văn phòng công chứng                                                                                                                                            |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 44  | Chuyển nhượng Văn phòng công chứng                                                                                                                                       |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 45  | Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp                                                                                                                           | Lĩnh vực giám định tư pháp    | 4      | Cấp tỉnh      |
| 46  | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng            |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 47  | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất                                            |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 48  | Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài                                                                                                                                | Lĩnh vực trọng tài thương mại | 3      | Cấp tỉnh      |
| 49  | Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài                                                                                                                      |                               | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                              | LĨNH VỰC                      | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------|---------------|
| 50  | Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài                                                                                                                   | Lĩnh vực trọng tài thương mại | 3      | Cấp tỉnh      |
| 51  | Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài                                                                                                         |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 52  | Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại VN                                                                                             |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 53  | Thông báo thay đổi Trường Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc TW |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 54  | Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác                        |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 55  | Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác                                 |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 56  | Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh trung tâm trọng tài sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác                                      |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 57  | Thông báo về việc thành lập Chi nhánh/VP đại diện của Trung tâm trọng tài tại nước ngoài                                                                                           |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 58  | Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài                                                                                                             |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 59  | Thông báo về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trường Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài                                                                                  |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 60  | Thông báo thay đổi danh sách trọng tài viên                                                                                                                                        |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 61  | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam                                     |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 62  | Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc                                                                                                                                       | Lĩnh vực hòa giải thương mại  | 3      | Cấp tỉnh      |
| 63  | Thôi làm hòa giải viên thương mại vụ việc khỏi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở Tư pháp                                                                           |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 64  | Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại                                                                                                    |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 65  | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại/ chi nhánh Trung tâm                                                                                                  |                               | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                           | LĨNH VỰC                             | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------|---------------|
|     | hòa giải thương mại                                                                                                                                                                                                             |                                      |        |               |
| 66  | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam                                                                                                                                      | Lĩnh vực lý lịch tư pháp             | 3      | Cấp tỉnh      |
| 67  | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)                                                       |                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 68  | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)                                                                                             |                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 69  | Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý                                                                                                                                                                                               | Lĩnh vực trợ giúp pháp lý            | 3      | Cấp tỉnh      |
| 70  | Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý                                                                                                                                                                        |                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 71  | Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý                                                                                                                                                                                  |                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 72  | Chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý                                                                                                                                                                                              |                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 73  | Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp                                                                                                                                                                                          |                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 74  | Công nhận báo cáo viên pháp luật huyện                                                                                                                                                                                          | Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật | 4      | Cấp huyện     |
| 75  | Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật huyện                                                                                                                                                                                         |                                      | 4      | Cấp huyện     |
| 76  | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                          | Lĩnh vực hộ tịch                     | 3      | Cấp huyện     |
| 77  | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                            |                                      | 3      | Cấp huyện     |
| 78  | Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                            |                                      | 3      | Cấp huyện     |
| 79  | Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                   |                                      | 3      | Cấp huyện     |
| 80  | Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc                                                                                                                                                                      |                                      | 4      | Cấp huyện     |
| 81  | Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài                                                                                                               |                                      | 4      | Cấp huyện     |
| 82  | Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, huỷ việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài                                                                                              |                                      | 4      | Cấp huyện     |
| 83  | Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) |                                      | 4      | Cấp huyện     |
| 84  | Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                      |                                      | 3      | Cấp huyện     |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                           | LĨNH VỰC                             | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------|---------------|
| 85  | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân                                                                                                                                                   | Lĩnh vực hộ tịch                     | 3      | Cấp huyện     |
| 86  | Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                        |                                      | 3      | Cấp huyện     |
| 87  | Cấp bản sao trích lục hộ tịch                                                                                                                                                                                                   |                                      | 4      | Cấp huyện     |
| 88  | Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.                                                                                                         | Lĩnh vực chứng thực                  | 4      | Cấp huyện     |
| 89  | Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận |                                      | 4      | Cấp huyện     |
| 90  | Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp.                                                                                                                                       |                                      | 4      | Cấp huyện     |
| 91  | Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp.                                                                                                                                 |                                      | 3      | Cấp huyện     |
| 92  | Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)                                                                |                                      | 3      | Cấp huyện     |
| 93  | Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản.                                                                                                                                                                      |                                      | 3      | Cấp huyện     |
| 94  | Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản.                                                                                                                                                           |                                      | 3      | Cấp huyện     |
| 95  | Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản.                                                                                                                                                               |                                      | 3      | Cấp huyện     |
| 96  | Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch                                                                                                                                                                    |                                      | 3      | Cấp huyện     |
| 97  | Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực                                                                                                                                                   |                                      | 4      | Cấp huyện     |
| 98  | Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch                                                                                                                                                                                       |                                      | 4      | Cấp huyện     |
| 99  | Công nhận tuyên truyền viên pháp luật                                                                                                                                                                                           | Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật | 4      | Cấp xã        |
| 100 | Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật                                                                                                                                                                                        | Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở            | 4      | Cấp xã        |
| 101 | Công nhận hòa giải viên                                                                                                                                                                                                         | Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở            | 4      | Cấp xã        |
| 102 | Công nhận Tổ trưởng Tổ hòa giải                                                                                                                                                                                                 |                                      | 3      | Cấp xã        |
| 103 | Thôi làm hòa giải viên                                                                                                                                                                                                          |                                      | 4      | Cấp xã        |
| 104 | Thanh toán thù lao cho hòa giải viên                                                                                                                                                                                            | Lĩnh vực hộ tịch                     | 3      | Cấp xã        |
| 105 | Đăng ký khai sinh                                                                                                                                                                                                               |                                      | 3      | Cấp xã        |
| 106 | Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân                                                                                                                                                                        |                                      | 3      | Cấp xã        |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                             | LĨNH VỰC            | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------|---------------|
| 107 | Đăng ký lại khai sinh                                                                                                                                             | Lĩnh vực hộ tịch    | 3      | Cấp xã        |
| 108 | Đăng ký khai tử                                                                                                                                                   |                     | 3      | Cấp xã        |
| 109 | Đăng ký lại khai tử                                                                                                                                               |                     | 3      | Cấp xã        |
| 110 | Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân                                                                                                                             |                     | 4      | Cấp xã        |
| 111 | Đăng ký giám hộ                                                                                                                                                   |                     | 3      | Cấp xã        |
| 112 | Đăng ký chấm dứt giám hộ                                                                                                                                          |                     | 3      | Cấp xã        |
| 113 | Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch                                                                                                                              |                     | 4      | Cấp xã        |
| 114 | Cấp bản sao trích lục hộ tịch                                                                                                                                     |                     | 4      | Cấp xã        |
| 115 | Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước                                                                                                                             |                     | 3      | Cấp xã        |
| 116 | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước                                                                                                                         |                     | 4      | Cấp xã        |
| 117 | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận                                               | Lĩnh vực chứng thực | 4      | Cấp xã        |
| 118 | Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được) |                     | 3      | Cấp xã        |
| 119 | Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch                                                                                                      |                     | 4      | Cấp xã        |
| 120 | Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch                                                                                                                         |                     | 4      | Cấp xã        |
| 121 | Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực                                                                                     |                     | 4      | Cấp xã        |
| 122 | Chứng thực Hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở                                                                        |                     | 3      | Cấp xã        |
| 123 | Chứng thực di chúc                                                                                                                                                |                     | 3      | Cấp xã        |
| 124 | Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản                                                                                                                            |                     | 3      | Cấp xã        |
| 125 | Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở                                                                    |                     | 3      | Cấp xã        |
| 126 | Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở                                                                               |                     | 3      | Cấp xã        |
| XV  | Thông tin và Truyền thông                                                                                                                                         |                     |        |               |
| 1   | Cấp giấy phép bưu chính                                                                                                                                           | Lĩnh vực Bưu chính  | 4      | Cấp tỉnh      |
| 2   | Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính                                                                                                                              |                     | 4      | Cấp tỉnh      |
| 3   | Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn                                                                                                                           |                     | 4      | Cấp tỉnh      |
| 4   | Cấp lại giấy phép bưu chính bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được                                                                                                |                     | 4      | Cấp tỉnh      |
| 5   | Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính                                                                                                                |                     | 4      | Cấp tỉnh      |
| 6   | Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được                                                                     |                     | 4      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                          | LĨNH VỰC                                             | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------|---------------|
| 7   | Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài                          | Lĩnh vực Báo chí                                     | 3      | Cấp tỉnh      |
| 8   | Cấp giấy phép xuất bản bản tin                                                                                                                 |                                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 9   | Thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin                                                                                         |                                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 10  | Cho phép hợp báo (trong nước)                                                                                                                  |                                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 11  | Cho phép hợp báo (nước ngoài)                                                                                                                  |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 12  | Thông báo thay đổi chủ sở hữu, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp | Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử | 4      | Cấp tỉnh      |
| 13  | Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh                                                                           |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 14  | Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh                                              |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 15  | Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp                                                                                       |                                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 16  | Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp                                                                          |                                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 17  | Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp                                                                                   |                                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 18  | Cấp lại Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp                                                                                   |                                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 19  | Cấp giấy phép hoạt động in                                                                                                                     | Lĩnh vực Xuất bản                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 20  | Cấp lại giấy phép hoạt động in                                                                                                                 |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 21  | Đăng ký hoạt động cơ sở in                                                                                                                     |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 22  | Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in                                                                                                  |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 23  | Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu                                                                           |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 24  | Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu                                                                             |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 25  | Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh                                                                                               |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 26  | Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm                                                                                                   |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 27  | Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm                                                                                                   |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 28  | Đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm                                                                                                      |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 29  | Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm                                                                                |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                   | LĨNH VỰC                                             | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------|---------------|
| 30  | Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm                                                                                                                                                | Lĩnh vực Xuất bản                                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 31  | Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài                                                                                                                                  |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 32  | Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh                                                                                                                                  |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 33  | Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm                                                                                                                                  |                                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 34  | Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy                                                                                                                                              |                                                      | 4      | Cấp huyện     |
| 35  | Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy                                                                                                                           |                                                      | 4      | Cấp huyện     |
| 36  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                                                                                             | Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử | 3      | Cấp huyện     |
| 37  | Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                                                                                |                                                      | 3      | Cấp huyện     |
| 38  | Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                                                                                         |                                                      | 3      | Cấp huyện     |
| 39  | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                                                                                         |                                                      | 3      | Cấp huyện     |
| XVI | Y tế                                                                                                                                                                                    |                                                      |        |               |
| 1   | Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                | Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh                        | 4      | Cấp tỉnh      |
| 2   | Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề                                                                                                                      |                                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 3   | Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh                                                                                                |                                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 4   | Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh                                                        |                                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 5   | Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29                |                                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 6   | Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh |                                                      | 4      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                         | LĨNH VỰC                      | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------|---------------|
| 7   | Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập                           | Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh | 4      | Cấp tỉnh      |
| 8   | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                               |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 9   | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                           |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 10  | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                   |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 11  | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                 |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 12  | Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                      |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 13  | Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm y tế cấp xã, trạm xá thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                        |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 14  | Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                          |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 15  | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                 |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 16  | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                           |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 17  | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 18  | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế         |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 19  | Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do cấp không đúng thẩm quyền                 |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 20  | Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng                                                                                      |                               | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                                              | LĨNH VỰC                      | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------|---------------|
| 21  | Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế                                                                                                                                                        | Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh | 3      | Cấp tỉnh      |
| 22  | Đề nghị phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế                                                                                                                                                |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 23  | Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trước ngày 01/01/2016                                                                                                                                                                         |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 24  | Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế từ ngày 01/01/2016                                                                                                                                                                            |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 25  | Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                     |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 26  | Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm c, d, đ, e và g tại Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                       |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 27  | Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình độc lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                                                                                    |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 28  | Bổ sung, điều chỉnh phạm vi hoạt động bác sỹ gia đình đối với Phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                                               |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 29  | Cho phép Đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế                                                                                                                     |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 30  | Cấp giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập. |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 31  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.                                                                                                                                                     |                               | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                       | LĨNH VỰC                      | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------|---------------|
| 32  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.                          | Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh | 3      | Cấp tỉnh      |
| 33  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.                  |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 34  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.                                     |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 35  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.                   |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 36  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.                                |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 37  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp     |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 38  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả                                                    |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 39  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà                                       |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 40  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc                                                      |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 41  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh                           |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 42  | Cấp giấy phép hoạt động đối với khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã                                                 |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 43  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 44  | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ y tế thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                             |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 45  | Cấp giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                      |                               | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | LĨNH VỰC                      | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------|---------------|
| 46  | Cấp lại giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                                                                                                                                                      | Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh | 3      | Cấp tỉnh      |
| 47  | Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT                                                                                                                                                                                                                                                       | Lĩnh vực y, được cổ truyền    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 48  | Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT                                                                                                                                                                                                                                                       |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 49  | Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT                                                                                                                                                                                                                                                       |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 50  | Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT                                                                                                                                                                                                                                                       |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 51  | Cấp lại giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 52  | Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ                                                                                                                           | Lĩnh vực dược phẩm            | 4      | Cấp tỉnh      |
| 53  | Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược                                                                                                                                                                                                      |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 54  | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)                                                                                                                                                                                                                                                                   |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 55  | Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                               | 4      | Cấp tỉnh      |
| 56  | Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) |                               | 4      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | LĨNH VỰC           | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------|---------------|
| 57  | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | Lĩnh vực dược phẩm | 4      | Cấp tỉnh      |
| 58  | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)                                                                                                                                    |                    | 4      | Cấp tỉnh      |
| 59  | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)                                                                                                                                 |                    | 4      | Cấp tỉnh      |
| 60  | Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                    | 4      | Cấp tỉnh      |
| 61  | Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                                                                                                                                 |                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 62  | Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 63  | Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt                                                                                                             |                    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 64  | Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh                                                                                                                                                                                                    |                    | 4      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/THC                                                                                                                                        | LĨNH VỰC                             | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------|---------------|
| 65  | Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc                                                                         | Lĩnh vực dược phẩm                   | 4      | Cấp tỉnh      |
| 66  | Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước                                                                                                                   |                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 67  | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm                                                                                                                | Lĩnh vực mỹ phẩm                     | 4      | Cấp tỉnh      |
| 68  | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng                                                                       |                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 69  | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT                               |                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 70  | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo |                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 71  | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm                                                                                                           |                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 72  | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm                                                                                                       |                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 73  | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm                                                                                                    |                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 74  | Cấp sổ tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước.                                                                                        |                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 75  | Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế                                                                                                           | Lĩnh vực quản lý trang thiết bị y tế | 4      | Cấp tỉnh      |
| 76  | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A                                                                                         |                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 77  | Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B,C, D                                                                                          |                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 78  | Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế                                                                          |                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 79  | Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D                                                              |                                      | 4      | Cấp tỉnh      |
| 80  | Công bố đủ điều kiện thực hiện quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                   | Lĩnh vực y tế dự phòng               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 81  | Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II                                                                                      |                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 82  | Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng                                                                                                                       |                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 83  | Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng                                                                                     |                                      | 3      | Cấp tỉnh      |
| 84  | Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                       |                                      | 3      | Cấp tỉnh      |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                                                                                                                     | LĨNH VỰC                      | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------|---------------|
| 85  | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                                | Lĩnh vực y tế dự phòng        | 3      | Cấp tỉnh      |
| 86  | Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                  |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 87  | Cấp Giấy xác nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống                                                                                                       | Lĩnh vực an toàn thực phẩm    | 3      | Cấp tỉnh      |
| 88  | Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi                                                      |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 89  | Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi                                            |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 90  | Xác nhận đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.                                                         |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 91  | Công nhận cơ sở đủ điều kiện thực hiện can thiệp y tế để xác định lại giới tính đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của y tế ngành, bệnh viện tư nhân thuộc địa bàn quản lý | Lĩnh vực giám định y khoa     | 3      | Cấp tỉnh      |
| 92  | Cấp giấy chứng nhận mắc bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học                                                                                                                       |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 93  | Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh.                                     | Lĩnh vực đào tạo              | 3      | Cấp tỉnh      |
| 94  | Đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                                     | Lĩnh vực tổ chức cán bộ       | 3      | Cấp tỉnh      |
| 95  | Đề nghị miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                                   |                               | 3      | Cấp tỉnh      |
| 96  | Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ                                                                                                                                                               | Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh | 3      | Cấp huyện     |

| STT | TÊN DỊCH VỤ CÔNG/TTHC                                                                                                        | LĨNH VỰC                      | MỨC ĐỘ | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------|---------------|
| 97  | Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ                                                                  | Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh | 3      | Cấp huyện     |
| 98  | Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm                                  |                               | 3      | Cấp huyện     |
| 99  | Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ em được sinh ra tại nhà hoặc tại nơi khác mà không phải là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Lĩnh vực dân số KHHGĐ         | 3      | Cấp xã        |
| 100 | Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số                                                    |                               | 3      | Cấp xã        |